

Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi n

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BQL ngày tháng năm 2023 của Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Kon Rẫy)

\	Nội dung	Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện Chương trình năm 2022										Kết quả giải ngân đến 30/8/2023							
		Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				vốn lồng ghép	Tín dụng	DN, tổ chức, cá nhân	Dân góp	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Vốn lồng ghép	Tín dụng		
			Tổng số	NSTU		NSDP						Tổng số	NSTU		NSDP				
				ĐTPT	SN	ĐTPT							SN	ĐTPT	SN			ĐTPT	SN
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
TỔNG SỐ		12,436,000	12,436,000	12,436,000								11,966,936	11,966,936	11,966,936					

ăm 2022

<i>DN, tổ chức, cá nhân</i>	<i>Dân góp</i>	<i>% giải ngân so với kế hoạch vốn giao</i>	<i>Đơn vị báo cáo</i>
<i>19</i>	<i>20</i>	<i>21=11/1</i>	<i>22</i>
		96%	

Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BQL ngày tháng năm 2023 của Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Kon Rẫy)

\	Nội dung	Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện Chương trình năm 2023										Kết quả giải ngân đến 30/8/2023								
		Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				vốn lồng ghép	Tín dụng	DN, tổ chức, cá nhân	Dân góp	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Vốn lồng ghép	Tín dụng	DN, tổ chức, cá nhân		
			Tổng số	NSTU		NSĐP						Tổng số	NSTU		NSĐP					
				ĐTPT	SN	ĐTPT							SN	ĐTPT	SN				ĐTPT	SN
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
TỔNG SỐ		11,445,064	11,445,064	11,445,064								9,075,499	9,075,499	9,075,499						

<i>Dân góp</i>	% giải ngân so với kế hoạch vốn giao	Đơn vị báo cáo
20	21=11/1	22
	79%	